

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 07 - 2022

*“V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành và ông Trần Mai Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NTH**; sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Xã NX, huyện QH, tỉnh Nghệ An. Xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **CVN**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Xã NX, huyện QH, tỉnh Nghệ An.

Hiện cư trú tại: Đài Loan (không có địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **CVL** và bà **TTL** – Nơi cư trú: Xã NX, huyện QH, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn NTH như sau:

Chị H và anh CVN tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NX, QH, tỉnh Nghệ An vào ngày 19/01/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc. Năm 2018 anh Ng đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ khi anh Ng ra nước ngoài làm việc thì thời gian đầu có liên lạc hỏi thăm nhau, nhưng sau đó chồng không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị

H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị H làm đơn ly hôn anh Ng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử cho ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh Ng có 02 người con chung là CTĐ, sinh ngày 03 tháng 06 năm 2012 và CTĐ, sinh ngày 05/6/2016. Từ khi anh Ng đi cho đến nay cháu Đạt và cháu Đăng do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến tháng 10/2021 thì cháu Đạt sang sinh sống cùng ông bà nội và được ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay. Nay vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Chị H không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Quá trình từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho thân nhân và niêm yết theo quy định, nhưng bị đơn là anh CVN vắng mặt, do đó không có ý kiến.

Chị NTH không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh Ng cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh Ng đang làm việc tại nước ngoài. Tòa án đã tiến hành gửi văn bản yêu cầu ông Cao Xuân L, bà TTL (là bố mẹ đẻ của anh Ng) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu ông L, bà L thông báo với anh Ng để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, ông L, bà L không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh và lấy lời khai tại ông L, bà L. Ông, L, bà L cho biết thời gian ở nước ngoài, anh Ng tH xuyên liên lạc về với ông, bà qua điện thoại, nhưng ông bà không biết địa chỉ của anh Ng, do đó ông không cung cấp được địa chỉ của anh Ng cho Tòa án. Ông, bà đã thông báo cho anh Ng biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị H và anh Ng, tuy nhiên anh Ng bận công việc và ở xa nên chỉ trao đổi qua điện thoại và không có lời khai gửi về Tòa án. Đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh Ng liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị NTH được ly hôn anh CVN. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung là CTĐ, sinh ngày 03 tháng 06 năm 2012 và CTĐ, sinh ngày 05/6/2016 cho chị NTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí theo quy định của Pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị NTH, bị đơn anh CVN có hộ khẩu tH trú tại xã NX, huyện QH, tỉnh Nghệ An. Bị đơn anh CVN hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài (Đài Loan) nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị NTH có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh CVN vắng mặt tại phiên tòa. Theo Công văn số 31774/QLXNC-P5 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì anh CVN xuất cảnh ngày 14 tháng 05 năm 2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị NTH không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh CVN. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại Nhà văn hóa xóm Mố và tại Ủy ban nhân dân xã NX, QH, tỉnh Nghệ An, là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Ng trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản đề nghị ông CVL và bà TTL (là bố mẹ đẻ của anh CVN), địa chỉ: Xã NX, huyện QH, tỉnh Nghệ An, yêu cầu ông, bà cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Ng và thông báo cho anh Ng biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Ông L, bà L không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh và lấy lời khai tại ông L, bà L. Ông L, bà L cho biết anh Ng vẫn gọi điện thoại về để hỏi thăm sức khỏe, ông bà nhưng ông bà không biết địa chỉ của anh Ng nên ông, bà không thể cung cấp địa chỉ ở nước ngoài của anh Ng cho Tòa án được. Ông, bà cũng đã thông báo cho anh Ng biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh Ng và chị H, nhưng do bận làm ăn ở xa nên chỉ trao đổi qua điện thoại với ông bà và không có lời khai gửi về. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông L, bà L đã được triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị NTH và anh CVN kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã NX, QH, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh Ng chung sống với nhau hạnh phúc. Năm 2018, anh Ng đi lao động ở nước ngoài. Năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Từ khi anh Ng đi ra nước ngoài đến nay, thời gian đầu vợ chồng liên lạc hỏi thăm nhau, sau đó thì không liên lạc nữa. Vợ chồng sống xa nhau nhưng không quan tâm đến nhau, nay chị H làm đơn ly hôn. Theo lời khai của ông CVL và bà TTL thì anh Ng đã được ông, bà thông tin cho biết chị H làm đơn xin ly hôn với anh, nhưng do ở xa và bận công việc nên anh không gửi ý kiến về cho Tòa án. Xét tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị NTH ly hôn anh CVN.

2.2 Về con chung: Chị NTH và anh CVN có 02 con chung là CTĐ, sinh ngày 03 tháng 06 năm 2012 và CTĐ, sinh ngày 05/6/2016. Hiện tại anh CVN đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ, không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung, chị H có nguyện vọng giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu, và anh Ng cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quản lý, chăm sóc con chung: Vợ chồng ông Cao Xuân L, bà TTL có thời gian chăm sóc hai cháu CTĐ và CTĐ trong thời gian anh Ng đi nước ngoài và chị H gửi đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng ông L, bà L không yêu cầu vợ chồng chị H, anh Ng phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc các cháu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Hiện tại chị H chưa yêu cầu giải quyết, anh CVN cũng chưa có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị NTH phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 207; Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị NTH và anh CVN được ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung CTĐ, sinh ngày 03 tháng 06 năm 2012 và CTĐ, sinh ngày 05/6/2016 cho chị NTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp

nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con cho con theo quy định của pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng: Chị NTH không yêu cầu và anh CVN chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu và anh Ng chưa có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị NTH phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên L số 0011631 ngày 07/01/2022 (do chị Nguyễn Thị Trúc nộp thay).

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị NTH, ông Cao Văn L, bà TTL vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ.

5.2. Anh CVN đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Xuân;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thúy Quỳnh